

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ THUẬN LỢI

Số: 04/2026/NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thuận Lợi, ngày 24 tháng 9 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Quy định nội dung chi, mức chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn xã Thuận Lợi

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 197/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 289/2025/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố Đồng Nai quy định nội dung chi, mức khoán chi đối với công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Đồng Nai;

Xét Tờ trình số 124/TTr-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Thuận Lợi về đề nghị ban hành Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn xã Thuận Lợi; Báo cáo thẩm tra số 55/BC-BKTNS ngày 23 tháng 9 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân xã; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân xã Thuận Lợi ban hành Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn xã Thuận Lợi.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định nội dung chi, mức chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn xã Thuận Lợi.

b) Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo Nghị quyết số 197/2025/QH15 của Quốc hội, Nghị định số 289/2025/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản pháp luật có liên quan.



2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ hoặc tham gia công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã Thuận Lợi.

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc bảo đảm kinh phí phục vụ công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã Thuận Lợi.

Điều 2. Tổng mức chi cho nhiệm vụ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã

Tổng mức chi cho nhiệm vụ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã Thuận Lợi thực hiện theo Điều 2 Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố Đồng Nai.

Điều 3. Nội dung chi, mức chi cho các nhiệm vụ trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã

1. Đối với văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân xã và Ủy ban nhân dân xã, mức chi cụ thể thực hiện theo Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này.

2. Danh mục nhiệm vụ, hoạt động trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã Thuận Lợi thực hiện theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này.

3. Việc xác định nội dung chi, mức chi phải bảo đảm:

- a) Phù hợp với quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;
- b) Phù hợp với tính chất, mức độ phức tạp của từng loại văn bản;
- c) Bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch.

Điều 4. Nguồn kinh phí và phương thức thực hiện

1. Kinh phí cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã Thuận Lợi do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và phân cấp ngân sách hiện hành.

2. Việc thanh toán, quyết toán đối với từng nhiệm vụ quy định tại Điều 3 Nghị quyết này thực hiện theo khoản 3 và khoản 4 Điều 7 Nghị định số 289/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền quyết định thay đổi, tạm dừng hoặc chấm dứt nhiệm vụ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thì các nội dung nhiệm vụ đã thực hiện đúng quy định trước thời điểm có quyết định thay đổi, tạm dừng hoặc chấm dứt được thanh toán, quyết toán theo sản phẩm là kết quả nhiệm vụ đã thực hiện, tương ứng với mức chi quy định tại Điều 3 Nghị quyết này.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân xã tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân xã, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân xã Thuận Lợi giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã giám sát và vận động Nhân dân tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết; kịp thời phản ánh tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Các văn bản quy phạm pháp luật đã được thẩm định hoặc đã trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc đã hoàn thành, kết thúc trước ngày 15 tháng 5 năm 2026 nhưng chưa thực hiện thành, quyết toán thì tiếp tục thực hiện theo các nội dung chi, mức chi quy định tại Nghị quyết số 31/2022/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và các văn bản có liên quan.

Các văn bản quy phạm pháp luật đã được thẩm định hoặc đã trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc đã hoàn thành, kết thúc từ ngày 15 tháng 5 năm 2026 nhưng chưa thực hiện thành, quyết toán thì được áp dụng theo Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân xã Thuận Lợi khóa XIII, Kỳ họp thứ 4 (chuyên đề) thông qua ngày 24 tháng 9 năm 2026 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND, UBND thành phố;
- Sở Tư pháp;
- TT Đảng ủy, TT HĐND, UBND, BTTUBMTTQVN xã;
- Tổ đại biểu HĐND xã;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND xã;
- Trang thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Bùi Thị Minh Thúy

Phụ lục I
NỘI DUNG CHI, MỨC CHI CHO TỪNG NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG
TRONG XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA HỘI
ĐỒNG NHÂN DÂN VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ THUẬN LỢI

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐND ngày 24 tháng 9 năm 2026
của Hội đồng nhân dân xã Thuận Lợi)

Đơn vị tính: đồng/văn bản

Loại văn bản		Tổng mức chi	Nhiệm vụ soạn thảo, góp ý	Nhiệm vụ thẩm định	Nhiệm vụ tổng hợp, rà soát, hồ sơ trình	Nhiệm vụ thẩm tra
Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã	Văn bản mới, thay thế	10.000.000	5.200.000	800.000	1.000.000	3.000.000
	Văn bản sửa đổi, bổ sung 02 nghị quyết trở lên	10.000.000	5.200.000	800.000	1.000.000	3.000.000
	Văn bản sửa đổi, bổ sung 01 nghị quyết	6.000.000	3.100.000	520.000	580.000	1.800.000
	Văn bản bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ	4.000.000	2.100.000	320.000	380.000	1.200.000
Quyết định của Ủy ban nhân dân xã	Văn bản ban hành mới, thay thế	8.000.000	5.600.000	800.000	1.600.000	--
	Văn bản sửa đổi, bổ sung từ 02 văn bản trở lên	8.000.000	5.600.000	800.000	1.600.000	--
	Văn bản sửa đổi, bổ sung 01 văn bản	4.800.000	3.400.000	580.000	820.000	--
	Văn bản bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ	2.400.000	1.700.000	300.000	400.000	--

Phụ lục II
DANH MỤC NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG TRONG CÔNG TÁC XÂY DỰNG
VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THUỘC THẨM QUYỀN CỦA HỘI
ĐỒNG NHÂN DÂN VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ THUẬN LỢI
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐND ngày 24 tháng 9 năm 2026
của Hội đồng nhân dân xã Thuận Lợi)

I. NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ

**1. Văn bản ban hành mới, thay thế hoặc văn bản sửa đổi, bổ sung từ
02 nghị quyết trở lên**

Đơn vị tính: đồng/văn bản

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Sản phẩm	Mức chi	Ghi chú
I	NỘI DUNG CHI CHO NHIỆM VỤ SOẠN THẢO VĂN BẢN, THẨM ĐỊNH, TỔNG HỢP, RÀ SOÁT HỒ SƠ TRÌNH BAN HÀNH		7.000.000	
1	Soạn thảo văn bản		5.200.000	
1.1	Truyền thông việc xây dựng, ban hành nghị quyết	Cơ quan chủ trì soạn thảo quyết định hình thức truyền thông phù hợp và sản phẩm hoàn thành tương ứng; ví dụ như ấn phẩm truyền thông dạng in (bài viết, bản tin khác, báo cáo tọa đàm, áp phích, v.v.), ấn phẩm truyền thông trên môi trường điện tử (website, video, sản phẩm số khác, v.v.).	100.000	
1.2	Xây dựng hồ sơ dự thảo nghị quyết	Cơ quan chủ trì soạn thảo quyết định sản phẩm cho từng hoạt động cụ thể để xây dựng hồ sơ dự thảo nghị quyết; trong đó phải bảo đảm thành phần hồ sơ theo quy định tại Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP gồm: Tờ trình, Dự thảo nghị quyết.	1.980.000	
1.3	Lấy ý kiến đối với hồ sơ dự thảo nghị quyết	Cơ quan chủ trì soạn thảo quyết định sản phẩm cho từng hoạt động cụ thể để lấy ý kiến đối với hồ sơ dự thảo nghị quyết; trong đó phải bảo đảm	1.560.000	

		thành phần hồ sơ theo quy định tại Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP là Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan		
1.4	Tổng hợp, chỉnh lý hoàn thiện hồ sơ dự thảo nghị quyết	Hồ sơ dự thảo nghị quyết được chỉnh lý sau khi lấy ý kiến, thẩm định, thẩm tra	1.560.000	
2	Thẩm định hồ sơ dự thảo		800.000	
3	Tổng hợp, rà soát hồ sơ trình ban hành		1.000.000	
II	THẨM TRA, THÔNG QUA		3.000.000	

2. Văn bản sửa đổi, bổ sung 01 nghị quyết

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Sản phẩm	Mức chi	Ghi chú
I	NỘI DUNG CHI CHO NHIỆM VỤ SOẠN THẢO VĂN BẢN, THẨM ĐỊNH, TỔNG HỢP, RÀ SOÁT HỒ SƠ TRÌNH BAN HÀNH		4.200.000	
1	Soạn thảo văn bản		3.100.000	
1.1	Truyền thông việc xây dựng, ban hành nghị quyết	Cơ quan chủ trì soạn thảo quyết định hình thức truyền thông phù hợp và sản phẩm hoàn thành tương ứng; ví dụ như ấn phẩm truyền thông dạng in (bài viết, bản tin khác, báo cáo tọa đàm, áp phích, v.v.), ấn phẩm truyền thông trên môi trường điện tử (website, video, sản phẩm số khác, v.v.).	60.000	
1.2	Xây dựng hồ sơ dự thảo nghị quyết	Cơ quan chủ trì soạn thảo quyết định sản phẩm cho từng hoạt động cụ thể để xây dựng hồ sơ dự thảo nghị quyết; trong đó phải bảo đảm thành phần hồ sơ theo quy định tại Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP gồm: Tờ trình, Dự thảo nghị quyết.	1.180.000	
1.3	Lấy ý kiến đối với hồ sơ dự thảo nghị quyết	Cơ quan chủ trì soạn thảo quyết định sản phẩm cho từng hoạt động cụ thể để lấy ý kiến đối với hồ sơ dự thảo nghị	930.000	

		quyết; trong đó phải bảo đảm thành phần hồ sơ theo quy định tại Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP là Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan		
1.4	Tổng hợp, chỉnh lý hoàn thiện hồ sơ dự thảo nghị quyết	Hồ sơ dự thảo nghị quyết được chỉnh lý sau khi lấy ý kiến, thẩm định, thẩm tra	930.000	
2	Thẩm định hồ sơ dự thảo		520.000	
3	Tổng hợp, rà soát hồ sơ trình ban hành		580.000	
II	THẨM TRA, THÔNG QUA		1.800.000	

3. Văn bản bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Sản phẩm	Mức chi	Ghi chú
I	NỘI DUNG CHI CHO NHIỆM VỤ SOẠN THẢO VĂN BẢN, THẨM ĐỊNH, TỔNG HỢP, RÀ SOÁT HỒ SƠ TRÌNH BAN HÀNH		2.800.000	
1	Soạn thảo văn bản		2.100.000	
1.1	Truyền thông việc xây dựng, ban hành nghị quyết	Cơ quan chủ trì soạn thảo quyết định hình thức truyền thông phù hợp và sản phẩm hoàn thành tương ứng; ví dụ như ấn phẩm truyền thông dạng in (bài viết, bản tin khác, báo cáo tọa đàm, áp phích, v.v.), ấn phẩm truyền thông trên môi trường điện tử (website, video, sản phẩm số khác, v.v.).	40.000	
1.2	Xây dựng hồ sơ dự thảo nghị quyết	Cơ quan chủ trì soạn thảo quyết định sản phẩm cho từng hoạt động cụ thể để xây dựng hồ sơ dự thảo nghị quyết; trong đó phải bảo đảm thành phần hồ sơ theo quy định tại Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP gồm: Tờ trình, Dự thảo nghị quyết.	800.000	
1.3	Lấy ý kiến đối với hồ sơ dự thảo nghị quyết	Cơ quan chủ trì soạn thảo quyết định sản phẩm cho từng hoạt động cụ thể để lấy ý kiến	630.000	

		đối với hồ sơ dự thảo nghị quyết; trong đó phải bảo đảm thành phần hồ sơ theo quy định tại Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP là Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan		
1.4	Tổng hợp, chỉnh lý hoàn thiện hồ sơ dự thảo nghị quyết	Hồ sơ dự thảo nghị quyết được chỉnh lý sau khi lấy ý kiến, thẩm định, thẩm tra	630.000	
2	Thẩm định hồ sơ dự thảo		320.000	
3	Tổng hợp, rà soát hồ sơ trình ban hành		380.000	
II	THẨM TRA, THÔNG QUA		1.200.000	

II. QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

1. Văn bản ban hành mới, thay thế hoặc văn bản sửa đổi, bổ sung từ 02 văn bản trở lên

Đơn vị tính: đồng/văn bản

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Sản phẩm	Mức chi	Ghi chú
I	SOẠN THẢO VĂN BẢN		5.600.000	
1	Truyền thông việc xây dựng, ban hành quyết định	Cơ quan chủ trì soạn thảo quyết định hình thức truyền thông phù hợp và sản phẩm hoàn thành tương ứng; ví dụ như ấn phẩm truyền thông dạng in (bài viết, bản tin khác, báo cáo tọa đàm, áp phích, v.v.), ấn phẩm truyền thông trên môi trường điện tử (website, video, sản phẩm số khác, v.v.).	100.000	
2	Xây dựng hồ sơ dự thảo quyết định	Cơ quan chủ trì soạn thảo quyết định sản phẩm cho từng hoạt động cụ thể để xây dựng hồ sơ dự thảo quyết định; trong đó phải bảo đảm thành phần hồ sơ theo quy định tại Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP gồm: Tờ trình, Dự thảo quyết định.	2.140.000	
3	Lấy ý kiến đối với hồ sơ dự thảo quyết định	Cơ quan chủ trì soạn thảo quyết định sản phẩm cho từng	1.680.000	

		hoạt động cụ thể để lấy ý kiến đối với hồ sơ dự thảo quyết định; trong đó phải bảo đảm thành phần hồ sơ theo quy định tại Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP là Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan		
4	Tổng hợp, chỉnh lý hoàn thiện hồ sơ dự thảo quyết định	Hồ sơ dự thảo quyết định được chỉnh lý sau khi lấy ý kiến, thẩm định	1.680.000	
II	THẨM ĐỊNH HỒ SƠ DỰ THẢO		800.000	
III	TỔNG HỢP, RÀ SOÁT HỒ SƠ TRÌNH BAN HÀNH		1.600.000	

2. Văn bản sửa đổi, bổ sung 01 văn bản

Đơn vị tính: đồng/văn bản

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Sản phẩm	Mức chi	Ghi chú
I	SOẠN THẢO VĂN BẢN		3.400.000	
1	Truyền thông việc xây dựng, ban hành quyết định	Cơ quan chủ trì soạn thảo quyết định hình thức truyền thông phù hợp và sản phẩm hoàn thành tương ứng; ví dụ như ấn phẩm truyền thông dạng in (bài viết, bản tin khác, báo cáo tọa đàm, áp phích, v.v.), ấn phẩm truyền thông trên môi trường điện tử (website, video, sản phẩm số khác, v.v.).	60.000	
2	Xây dựng hồ sơ dự thảo quyết định	Cơ quan chủ trì soạn thảo quyết định sản phẩm cho từng hoạt động cụ thể để xây dựng hồ sơ dự thảo quyết định; trong đó phải bảo đảm thành phần hồ sơ theo quy định tại Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP gồm: Tờ trình, Dự thảo quyết định.	1.300.000	
3	Lấy ý kiến đối với hồ sơ dự thảo quyết định	Cơ quan chủ trì soạn thảo quyết định sản phẩm cho từng hoạt động cụ thể để lấy ý kiến	1.020.000	

		đối với hồ sơ dự thảo quyết định; trong đó phải bảo đảm thành phần hồ sơ theo quy định tại Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP là Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan		
4	Tổng hợp, chỉnh lý hoàn thiện hồ sơ dự thảo quyết định	Hồ sơ dự thảo quyết định được chỉnh lý sau khi lấy ý kiến, thẩm định	1.020.000	
II	THẨM ĐỊNH HỒ SƠ DỰ THẢO		580.000	
III	TỔNG HỢP, RÀ SOÁT HỒ SƠ TRÌNH BAN HÀNH		820.000	

3. Văn bản bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ

Đơn vị tính: đồng/văn bản

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Sản phẩm	Mức chi	Ghi chú
I	SOẠN THẢO VĂN BẢN		1.700.000	
1	Truyền thông việc xây dựng, ban hành quyết định	Cơ quan chủ trì soạn thảo quyết định hình thức truyền thông phù hợp và sản phẩm hoàn thành tương ứng; ví dụ như ấn phẩm truyền thông dạng in (bài viết, bản tin khác, báo cáo tọa đàm, áp phích, v.v.), ấn phẩm truyền thông trên môi trường điện tử (website, video, sản phẩm số khác, v.v.).	30.000	
2	Xây dựng hồ sơ dự thảo quyết định	Cơ quan chủ trì soạn thảo quyết định sản phẩm cho từng hoạt động cụ thể để xây dựng hồ sơ dự thảo quyết định; trong đó phải bảo đảm thành phần hồ sơ theo quy định tại Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP gồm: Tờ trình, Dự thảo quyết định.	650.000	
3	Lấy ý kiến đối với hồ sơ dự thảo quyết định	Cơ quan chủ trì soạn thảo quyết định sản phẩm cho từng hoạt động cụ thể để lấy ý kiến đối với hồ sơ dự thảo quyết	510.000	

		định; trong đó phải bảo đảm thành phần hồ sơ theo quy định tại Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP là Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan		
4	Tổng hợp, chỉnh lý hoàn thiện hồ sơ dự thảo quyết định	Hồ sơ dự thảo quyết định được chỉnh lý sau khi lấy ý kiến, thẩm định	510.000	
II	THẨM ĐỊNH HỒ SƠ DỰ THẢO		300.000	
III	TỔNG HỢP, RÀ SOÁT HỒ SƠ TRÌNH BAN HÀNH		400.000	